



BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM NƯỚC THÀNH PHẨM
TẠI CÁC CHI NHÁNH CỦA CÔNG TY CP CẤP NƯỚC THANH HÓA (TUẦN 2 - THÁNG 12/2019)

Mã mẫu	Chi nhánh	pH	Độ đục	Độ màu	Mùi vị	Hàm lượng Nitrit	Hàm lượng Nitrat	Hàm lượng Sunfat	Hàm lượng Fe	Hàm lượng Clorua	Độ cứng toàn phần	Chỉ số Pecmamganat	Hàm lượng Mn	Hàm lượng Clo dư	Kết luận
Giới hạn tối đa cho phép (QCVN 01:2009/BYT)		6,5-8,5	≤ 2	≤15	Không có mùi vị lạ	≤3	≤50	≤250	≤0,3	≤250	≤300	≤2	≤0,3	0,3-0,5	
1657	CHI NHÁNH CẤP NƯỚC BẮC TP	7,19	1,19	10,66	Không	<0,02	1,15	17,52	<0,04	28,65	74,4	<0,78	0,22	0,5	Đạt
1658		7,22	1,34	10,34	Không	<0,02	1,16	17,58	<0,04	22,41	74	<0,78	0,02	0,3	Đạt
1659		7,20	<1	10,29	Không	<0,02	1,15	20,02	<0,04	21,55	73,6	<0,78	0,02	0,3	Đạt
1660		7,21	1,47	10,33	Không	<0,02	2,02	21,42	<0,04	22,41	74	<0,78	0,02	0,3	Đạt
1661		7,18	1,37	10,61	Không	<0,02	2	20,05	<0,04	22,12	73,6	<0,78	0,02	0,3	Đạt
1675	CHI NHÁNH CẤP NƯỚC NAM TP	7,48	<1	7,55	Không	<0,02	<0,7	28,63	<0,04	<5	46,4	<0,78	0,02	0,5	Đạt
1696		7,25	<1	6,27	Không	<0,02	<0,7	42,21	<0,04	5,1	51,6	<0,78	0,01	0,3	Đạt
1697		7,27	<1	6,52	Không	<0,02	<0,7	44,34	<0,04	<5	52,4	<0,78	0,03	0,3	Đạt
1698		7,26	<1	6,27	Không	<0,02	1,05	44,94	<0,04	<5	52,8	<0,78	0,04	0,3	Đạt
1699		7,25	<1	6,38	Không	<0,02	0,94	40,52	<0,04	<5	52	<0,78	0,01	0,3	Đạt
1701		7,26	<1	6,3	Không	<0,02	0,98	39,24	<0,04	<5	52,4	<0,78	0,02	0,5	Đạt
1663	CHI NHÁNH CẤP NƯỚC BỈM SƠN	7,73	<1	<5	Không	<0,02	14,83	36,05	<0,04	7,66	251,2	<0,78	0,03	0,5	Đạt
1664		7,74	<1	<5	Không	<0,02	14,95	22,68	<0,04	7,37	251,6	<0,78	0,04	0,3	Đạt
1665		7,73	<1	<5	Không	<0,02	14,88	22,7	<0,04	7,66	252	<0,78	0,02	0,3	Đạt
1685	CHI NHÁNH CẤP NƯỚC HOÀNG HÓA	7,65	<1	<5	Không	<0,02	1,02	28,56	<0,04	<5	134,4	<0,78	0,01	0,5	Đạt
1686		7,64	<1	<5	Không	<0,02	1,03	28,54	<0,04	<5	134	<0,78	0,01	0,3	Đạt
1687		7,66	<1	<5	Không	<0,02	1,05	28,76	<0,04	<5	134,8	<0,78	0,01	0,3	Đạt
1667	CHI NHÁNH CẤP NƯỚC TỈNH GIA	7,12	<1	9,94	Không	<0,02	<0,7	37,66	<0,04	13,33	59,2	1,82	0,03	0,5	Đạt
1668		7,09	<1	9,9	Không	<0,02	<0,7	29,74	<0,04	12,77	59,6	1,79	0,03	0,3	Đạt
1669		7,11	<1	9,9	Không	<0,02	0,83	33,08	<0,04	13,05	58,4	1,76	0,02	0,3	Đạt
1681	CHI NHÁNH CẤP NƯỚC QUẢNG XƯƠNG	7,39	<1	9,97	Không	<0,02	<0,7	43,65	<0,04	<5	51,2	<0,78	0,02	0,5	Đạt
1682		7,40	<1	10,47	Không	<0,02	<0,7	33,84	<0,04	5,1	50,4	<0,78	0,02	0,3	Đạt
1683		7,39	<1	11,31	Không	<0,02	<0,7	34,89	<0,04	5,39	50,8	<0,78	0,02	0,3	Đạt
1689	CHI NHÁNH CẤP NƯỚC TRIỆU SƠN	7,26	<1	<5	Không	<0,02	<0,7	28,78	<0,04	<5	45,6	<0,78	0,02	0,5	Đạt
1690		7,25	<1	<5	Không	<0,02	1,18	27,91	<0,04	<5	46	<0,78	0,02	0,3	Đạt
1691		7,24	<1	<5	Không	<0,02	1,15	28,02	<0,04	<5	45,2	<0,78	0,02	0,3	Đạt
1671	CHI NHÁNH CẤP NƯỚC YÊN ĐỊNH	7,32	<1	<5	Không	<0,02	<0,16	32,44	<0,04	<5	73,2	<0,78	0,01	0,5	Đạt
1672		7,33	<1	<5	Không	<0,02	0,8	32,97	<0,04	<5	72,8	<0,78	0,01	0,3	Đạt
1673		7,33	<1	<5	Không	<0,02	0,92	35,27	<0,04	<5	73,6	<0,78	0,01	0,3	Đạt
1676	CHI NHÁNH CẤP NƯỚC ĐÔNG SƠN	7,17	1,04	9,54	Không	<0,02	0,7	29,11	<0,04	<5	56	<0,78	0,02	0,3	Đạt
1677		7,18	<1	9,54	Không	<0,02	0,93	29,4	<0,04	<5	56,4	<0,78	0,02	0,3	Đạt
1678	CHI NHANH CẤP NƯỚC SÂM SƠN	7,26	<1	6,67	Không	<0,02	1,42	33,29	<0,04	7,09	52	<0,78	0,02	0,3	Đạt
1679		7,27	<1	6,6	Không	<0,02	1,4	31,79	<0,04	7,37	52	<0,78	0,02	0,3	Đạt



1693	CHI NHÁNH CẤP NƯỚC THẠCH THÀNH	7,83	<1	<5	Không	<0,02	3,75	28,15	<0,04	<5	178	1,06	0,01	0,5	Đạt
1694		7,83	<1	<5	Không	<0,02	3,87	34,61	<0,04	<5	177,6	1	0,01	0,3	Đạt
1695		7,84	<1	<5	Không	<0,02	3,88	39,71	<0,04	<5	176,8	0,93	0,01	0,3	Đạt
Tổng số mẫu															36
Số mẫu đạt															36
Số mẫu không đạt															0

Thanh Hóa ngày 12 tháng 12 năm 2019

Người tổng hợp



TT	Vị trí lấy mẫu	Mã mẫu	Ghi chú
1	Thô Hàm Rồng	1656	
2	Thành phẩm Hàm Rồng	1657	
3	28 Tân Nam 4 -TPTH	1658	
4	57 Trần Hưng Đạo-TPTH	1659	
5	33 Tân Nam 10-TPTH	1660	
6	16 Tân Nam 6- TPTH	1661	
7	Thô Bím Sơn	1662	
8	Thành phẩm Bím Sơn	1663	
9	38 Bà Triệu- Phường Ngọc Trạo- Bím Sơn	1664	
10	12 Cù Chính Lan- Phường Ngọc Trạo- Bím Sơn	1665	
11	Thô Tĩnh Gia	1666	
12	Thành phẩm Tĩnh Gia	1667	
13	Khu nhà ở lọc hóa dầu Nghi Sơn	1668	
14	115 TK5 Đào Duy Từ- TT Còng- TGia	1669	
15	Thô Yên Định	1670	
16	Thành phẩm Yên Định	1671	
17	Gđ Bắc Dũng, Yên Hoành, Định Tân	1672	
18	Gđ Bắc Hà , Yên Hoành , Định Tân	1673	
19	Thô Mật Sơn	1674	
20	Thành phẩm Mật Sơn	1675	
21	82 Cao Sơn – Thị trấn Rừng Thông	1676	
22	81 Nam Sơn- Thị trấn Rừng Thông	1677	
23	101 Lê Lợi- Trường Sơn- Sầm Sơn	1678	
24	09 Nguyễn Du – Thành phố Sầm Sơn	1679	
25	Thô Quảng Xương	1680	
26	Thành phẩm Quảng Xương	1681	
27	215 tổ Hữu, TT Quảng Xương	1682	
28	Gđ Bắc Minh, Thịnh Hùng, Quảng Thịnh	1683	
29	Thô Hoằng Hóa	1684	
30	Thành phẩm Hoằng Hóa	1685	
31	96 Vinh Sơn-TT Bút Sơn	1686	
32	115 Vinh Sơn – TT Bút Sơn	1687	
33	Thô Triệu Sơn	1688	
34	Thành phẩm Triệu Sơn	1689	
35	50 Tô Vĩnh Diện- TT Triệu Sơn	1690	
36	34 Bà Triệu – TT Triệu Sơn	1691	
37	Thô Thạch Thành	1692	
38	Thành phẩm Thạch Thành	1693	
39	47 QL 45 Khu 6 TT Kim Tân	1694	
40	42/27 Khu 4 TT Kim Tân	1695	
41	101 Nguyễn Phúc – Quảng Thắng - TPTH	1696	
42	355 Quang Trung – Đông Vệ TPTH	1697	
43	71 Kiều Đại –Đông Vệ- TPTH	1698	
44	49 Lê Thánh Tông – Đông Vệ - TPTH	1699	
45	Thô Mật Sơn	1700	
46	Thành phẩm Mật Sơn	1701	

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM NƯỚC THÀNH PHẨM

TẠI CÁC CHI NHÁNH CỦA CÔNG TY CP CẤP NƯỚC THANH HÓA (TUẦN 3 - THÁNG 11/2019)

Mã P NƯỚC	Chi nhánh	pH	Độ đục	Độ màu	Mùi vị	Hàm lượng Nitrit	Hàm lượng Nitrat	Hàm lượng Sunfat	Hàm lượng Fe	Hàm lượng Clorua	Độ cứng toàn phần	Chi số Pecmanganat	Hàm lượng Mn	Hàm lượng Clo dư	Kết luận	
Giới hạn tối đa cho phép (QCVN 01:2009/BYT)		6,5-8,5	≤ 2	≤15	Không có mùi vị lạ	≤3	≤50	≤250	≤0,3	≤250	≤300	≤2	≤0,3	0,3-0,5		
1543	CHI NHÁNH CẤP NƯỚC BẮC TP	7,21	1,24	6,24	Không	<0,02	1,7	11,5	<0,04	15,6	66	<0,78	0,05	0,5	Đạt	
1544		7,2	1,28	6,14	Không	<0,02	1,85	21,58	<0,04	16,17	65,6	<0,78	0,05	0,3	Đạt	
1545		7,22	1,32	6,1	Không	<0,02	1,93	25,15	<0,04	15,31	66,4	<0,78	0,05	0,3	Đạt	
1546		7,21	1,37	5,98	Không	<0,02	1,95	25,12	<0,04	16,17	66	<0,78	0,05	0,3	Đạt	
1547		7,22	1,26	6,01	Không	<0,02	1,95	27,78	<0,04	15,88	65,6	<0,78	0,05	0,3	Đạt	
1561	CHI NHÁNH CẤP NƯỚC NAM TP	7,22	<1	7,62	Không	<0,02	0,93	22,04	<0,04	<5	42	<0,78	0,03	0,5	Đạt	
1574		7,23	<1	<5	Không	<0,02	2,29	26,32	<0,04	<5	37,2	<0,78	0,05	0,3	Đạt	
1575		7,25	<1	<5	Không	<0,02	3,48	27,21	<0,04	<5	38,8	<0,78	0,05	0,3	Đạt	
1576		7,24	<1	<5	Không	<0,02	2,67	27,08	<0,04	<5	41,2	<0,78	0,05	0,3	Đạt	
1577		7,24	<1	<5	Không	<0,02	2,68	26,75	<0,04	<5	37,6	<0,78	0,05	0,3	Đạt	
1583	CHI NHÁNH CẤP NƯỚC BÌM SƠN	7,21	<1	<5	Không	<0,02	1,53	34,54	<0,04	5,67	42,4	<0,78	0,16	0,3	Đạt	
1549		7,33	<1	<5	Không	<0,02	16,3	12,64	<0,04	7,66	263,6	<0,78	0,04	0,5	Đạt	
1550		7,31	<1	<5	Không	<0,02	16,55	12,65	<0,04	8,23	263,2	<0,78	0,04	0,3	Đạt	
1551		7,31	<1	<5	Không	<0,02	16,45	12,67	<0,04	7,66	263,6	<0,78	0,03	0,3	Đạt	
1567		7,64	<1	<5	Không	<0,02	1,83	36	<0,04	7,66	80,8	0,85	0,02	0,5	Đạt	
1568	CHI NHÁNH CẤP NƯỚC HOÀNG HÓA	7,63	<1	<5	Không	<0,02	2,03	36,01	<0,04	6,81	79,6	0,82	0,02	0,3	Đạt	
1569		7,63	<1	<5	Không	<0,02	1,78	38,3	<0,04	7,09	78,8	0,79	0,02	0,3	Đạt	
1553		7,27	1,14	7,06	Không	<0,02	<0,7	64,72	<0,04	11,63	62,4	1,63	0,05	0,5	Đạt	
1554		7,24	1,19	7,21	Không	<0,02	<0,7	34,46	<0,04	11,06	62	1,69	0,05	0,3	Đạt	
1555		7,25	1,23	6,28	Không	<0,02	<0,7	29,74	<0,04	11,63	62,8	1,63	0,05	0,3	Đạt	
1563	CHI NHÁNH CẤP NƯỚC QUẢNG XƯƠNG	7,45	1,02	8,48	Không	<0,02	1	30,88	<0,04	7,66	38,4	<0,78	0,02	0,5	Đạt	
1564		7,45	1,08	8,17	Không	<0,02	1,08	31,91	<0,04	7,37	40,8	<0,78	0,02	0,3	Đạt	
1565		7,44	1,11	8,31	Không	<0,02	1,12	39,04	<0,04	7,94	41,2	<0,78	0,02	0,3	Đạt	
1571		7,34	1,03	6,95	Không	<0,02	1,62	23,7	<0,04	<5	48	0,98	0,02	0,5	Đạt	
1572		7,35	<1	8	Không	<0,02	1,94	24,01	<0,04	<5	48,8	0,92	0,02	0,3	Đạt	
1573	CHI NHÁNH CẤP NƯỚC TRIỆU SƠN	7,36	<1	8,83	Không	<0,02	1,93	25,39	<0,04	<5	47,6	0,85	0,02	0,3	Đạt	
1557		7,78	<1	<5	Không	<0,02	<0,7	22,26	<0,04	<5	66	<0,78	0,02	0,5	Đạt	
1558		7,78	<1	<5	Không	<0,02	<0,7	21,66	<0,04	<5	66,4	<0,78	0,02	0,3	Đạt	
1559		7,79	<1	<5	Không	<0,02	<0,7	21,92	<0,04	<5	65,6	<0,78	0,02	0,3	Đạt	
1579		7,80	<1	<5	Không	<0,02	1,35	17,49	<0,04	5,96	137,2	1,17	0,02	0,3	Đạt	
1580	CHI NHÁNH CẤP NƯỚC THẠCH THÀNH	7,81	<1	<5	Không	<0,02	1,65	17,64	<0,04	5,39	140,4	1,11	0,02	0,3	Đạt	
1581		7,81	<1	<5	Không	<0,02	2,55	17,61	<0,04	6,24	139,2	1,3	0,02	0,3	Đạt	
Tổng số mẫu															29	
Số mẫu đạt															29	
Số mẫu không đạt															0	

Thanh Hóa ngày 22 tháng 11 năm 2019

Người tổng hợp

Mã mẫu tuần 3 tháng 11

TT	Vị trí lấy mẫu	Mã mẫu	Ghi chú
1	Thô Hàm Rồng	1542	
2	Thành phẩm Hàm Rồng	1543	
3	48 Lò Chum- TPTH	1544	
4	58 Nguyễn Thượng Hiền -TPTH	1545	
5	33 Nguyễn Thái Học - TPTH	1546	
6	07 Hàn Mặc Tử- TPTH	1547	
7	Thô Bim Sơn	1548	
8	Thành phẩm Bim Sơn	1549	
9	12 Cù Chính Lan - TX Bim Sơn	1550	
10	84 Lê Hoàn – TX Bim Sơn	1551	
11	Thô Tĩnh Gia	1552	
12	Thành phẩm Tĩnh Gia	1553	
13	Khu nhà ở lọc hóa dầu Nghi Sơn	1554	
14	115 Đào Duy Từ- TT Còng - TG	1555	
15	Thô Yên Định	1556	
16	Thành phẩm Yên Định	1557	
17	Gđ Bắc Hùng -Yên Hoành – Định Tân – Yên Định	1558	
18	Gđ Bắc Thắng -Yên Hoành – Định Tân – Yên Định	1559	
19	Thô Mật Sơn	1560	
20	Thành phẩm Mật Sơn	1561	
21	Thô Quảng Xương	1562	
22	Thành phẩm Quảng Xương	1563	
23	152 Tổ Hữu- TT Quảng Xương	1564	
24	Nhà hàng Sao Khuê- Quảng Thịnh- Quảng Xương	1565	
25	Thô Hoằng Hóa	1566	
26	Thành Phẩm Hoằng Hóa	1567	
27	Bác Dũng Thôn 8- Hoằng Thịnh- Hoằng Hóa	1568	
28	Bác Toàn Thôn 8- Hoằng Thịnh- Hoằng Hóa	1569	
29	Thô Triệu Sơn	1570	
30	Thành phẩm Triệu Sơn	1571	
31	33 Tân Thanh-TT Triệu Sơn	1572	
32	71 Tân Sơn– TT Triệu Sơn	1573	
33	Lô 50 MB 889 Quảng Thắng –TPTH	1574	
34	Lô 42 MB 931 Đông Vệ TPTH	1575	
35	425 Quang Trung- P Đông Vệ TPTH	1576	
36	136 Hải Thượng Lãn Ông- p. Đông Vệ - TPTH	1577	
37	Thô Thạch Thành	1578	
38	Thành phẩm Thạch Thành	1579	
39	06 Khu 3 TT Kim Tân- Thạch Thành	1580	
40	11 khu 1 TT Kim Tân – Thạch Thành	1581	
41	Thô Mật Sơn	1582	
42	Thành phẩm Mật Sơn	1583	